

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 49

GIẢI THÍCH PHẨM HAI MƯƠI: PHÁT THỨ

Phần 1

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông hỏi thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát thú hưởng Đại thừa ư?

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành Sáu Ba-la-mật, từ một địa vị đến một địa vị, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát thú hưởng Đại thừa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát từ một địa vị đến một địa vị?

Phật bảo: Bồ-tát ma-ha-tát biết hết thấy pháp không có tướng đến đi, cũng không có pháp hoặc đến hoặc đi, hoặc đến hoặc không đến, vì tướng các pháp chẳng diệt. Bồ-tát ma-ha-tát ở các địa vị không niệm, không suy nghĩ mà tu trị địa nghiệp, cũng không thấy địa.

Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát trị địa nghiệp? Bồ-tát ma-ha-tát lúc trú ở Sơ địa tu mười việc:

1. Thân tâm kiên cố, vì là không thể có được.
2. Tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sinh, vì tướng chúng sinh không thể có được.
3. Tâm xả, vì người cho, người nhận không thể có được.
4. Thân cận thiện tri thức, cũng chẳng tự cao.
5. Cầu pháp, vì hết thấy pháp không thể có được.
6. Thường xuất gia, vì nhà không thể có được.
7. Thọ vui thân Phật, vì tướng hảo không thể có được.
8. Diễn xuất pháp giáo, vì các pháp phân biệt không thể có được.
9. Phá kiêu mạn, vì pháp sinh tuệ không thể có được.
10. Thật ngữ, vì các ngôn ngữ không thể có được. Bồ-tát ma-ha-tát trú ở trong Sơ địa như vậy, tu sửa mười việc trị địa nghiệp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú ở trong địa thứ hai, thường niệm tám pháp:

1. Giới thanh tịnh.
2. Biết ân, báo ân.
3. Trú lực nhẫn nhục.
4. Thọ hoan hỷ.
5. Không bỏ hết thấy chúng sinh.
6. Vào tâm đại bi.
7. Tin thầy, cung kính hỏi han, lãnh thọ.
8. Siêng cầu các Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ hai phải đầy đủ tám pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ ba tu năm pháp:

1. Học hỏi nhiều, không chán đủ.
2. Thí pháp thanh tịnh, cũng không tự cao.
3. Trang nghiêm Phật quốc độ, cũng không tự cao.
4. Chịu vô lượng cần khổ ở thế gian không lấy làm chán.
5. Ở chỗ tầm quý.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ ba phải đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tư phải thọ hành không bỏ mười pháp:

1. Không bỏ trú xứ A-lan-nhã (chỗ tịch tịnh)
2. Ít muốn.
3. Biết đủ.
4. Không bỏ công đức tu hạnh đầu đà.
5. Không bỏ giới. 6. Gồm ghét các dục.
7. Nhàm chám tâm thế gian.
8. Bỏ tất cả sở hữu.
9. Tâm không hư mất.
10. Không tiếc hết thầy tài vật.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ tư không bỏ mười pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú ở địa thứ năm, xa lìa mười hai pháp:

1. Xa lìa kẻ bạch y thân thuộc.
2. Xa lìa Tỳ-kheo ni.
3. Xa lìa sự sên tiếc nhà người khác.

4. Xa lìa đàm thuyết vô ích.
5. Xa lìa giận hờn.
6. Xa lìa tự đại.
7. Xa lìa miệt thị người.
8. Xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện.
9. Xa lìa đại kiêu mạn.
10. Xa lìa tự ý thọ dụng.
11. Xa lìa điên đảo.
12. Xa lìa dâm nô si.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ năm xa lìa mười hai việc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ sáu nên đầy đủ Sáu pháp Ba-la-mật, lại có sáu pháp không nên làm:

1. Không khởi ý làm Thanh-văn, Bích-chi Phật.
2. Bồ thí không nên sinh tâm ưu lo.
3. Thấy có người đến xin tâm không thối mất.
4. Vật sở hữu đem bố thí.
5. Sau khi bố thí tâm không ăn năn.
6. Không nghi pháp thâm sâu.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ sáu nên đầy đủ sáu pháp, xa lìa sáu pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ bảy không chấp trước hai mươi pháp:

1. Không chấp trước ngã.
2. Không chấp trước chúng sinh.
3. Không chấp trước mạng sống.
4. Không chấp trước chúng số, cho đến không chấp trước kẻ biết, kẻ thấy.
5. Không chấp trước đoạn kiến.
6. Không chấp trước thường kiến.
7. Không chấp trước tướng.
8. Không nên chấp trước tác nhân.
9. Không chấp trước danh sắc.
10. Không chấp trước năm uẩn.
11. Không chấp trước mười tám giới.
12. Không chấp trước mười hai nhập.
13. Không chấp trước ba cõi.
14. Không làm chỗ chấp trước.

15. Không chấp trước chỗ kỳ hạn.
16. Không chấp trước chỗ dựa nương.
17. Không chấp trước ý kiến nương Phật.
18. Không chấp trước ý kiến nương Pháp.
19. Không chấp trước ý kiến nương Tăng.
20. Không chấp trước ý kiến nương Giới.

Ấy là hai mươi pháp không nên chấp trước. (Hai mươi thứ không chấp trước này, ở Kinh Đại Bát-nhã ghi:

1. Xa lìa chấp ngã cho đến chấp kẻ thấy.
2. Xa lìa chấp đoạn.
3. Xa lìa chấp thường.
4. Xa lìa chấp tướng.
5. Xa lìa chấp kiến.
6. Xa lìa chấp danh sắc.
7. Xa lìa chấp uẩn. 8. Xa lìa chấp xứ.
9. Xa lìa chấp giới.
10. Xa lìa chấp bốn đế.
11. Xa lìa chấp duyên khởi.
12. Xa lìa chấp trú trước ba cõi.
13. Xa lìa chấp hết thấy pháp.
14. Xa lìa chấp tất cả pháp như lý, không như lý.
15. Xa lìa chấp nương Phật kiến.
16. Xa lìa chấp nương pháp kiến.
17. Xa lìa chấp nương tăng kiến.
18. Xa lìa chấp nương giới kiến.
19. Xa lìa chấp nương không kiến.
20. Xa lìa chấp sự chán sợ không tánh – ND).

Lại có hai mươi pháp nên đầy đủ:

1. Đầy đủ không.
2. Chứng vô tướng.
3. Biết vô tác.
4. Ba phần thanh tịnh.
5. Đầy đủ trí từ-bi đối với hết thấy chúng sinh.
6. Không niệm hết thấy chúng sinh.
7. Bình đẳng quán hết thấy pháp cũng không đắm trong đó.
8. Biết thật tướng các pháp, việc ấy cũng không nghĩ.
9. Pháp vô sinh nhãn.
10. Trí vô sinh.

11. Nói các pháp một tướng.
12. Phá tướng phân biệt.
13. Chuyển ức tướng.
14. Chuyển kiến.
15. Chuyển phiền não.
16. Địa bình đẳng định tuệ.
17. Điều ý.
18. Tâm tịch diệt.
19. Trí thông suốt.
20. Không nhiễm ái.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ bảy nên đầy đủ hai mươi pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tám nên đầy đủ năm pháp, là thuận nhập vào tâm chúng sinh, dạo chơi các thần thông; xem các nước Phật; như nước Phật được trông thấy mà tự trang nghiêm nước mình; như thật quán Phật thân mà tự trang nghiêm Phật thân, ấy gọi là đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tám còn phải đầy đủ năm pháp là biết các căn cao thấp; làm thanh tịnh nước Phật; vào Tam-muội như huyễn, thường vào Tam-muội, theo thiện căn ứng hợp của chúng sinh mà thọ thân.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ chín nên đầy đủ mười hai pháp, là lãnh thọ phần hóa độ trong vô biên thế giới, Bồ-tát có được nguyện như vậy thì biết tiếng nói của trời, rồng, Dạ-xoa, Cà-thát-bà mà vì họ thuyết pháp, ở trong thai thành tựu; sinh thành tựu; nhà thành tựu; họ thành tựu; quyến thuộc thành tựu; xuất sinh thành tựu; xuất gia thành tựu; trang nghiêm cây Phật (cây giác ngộ) thành tựu; hết thảy các công đức lành đầy đủ thành tựu.

Tu-bồ-đề! Ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ chín, nên đầy đủ mười hai pháp.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trú trong địa thứ mười, nên biết giống như Phật.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát tâm sâu xa tu trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ứng với nhất thiết chúng trí, nhóm các căn lành, ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát tâm sâu xa tu trị địa ng-

hiệp.

Thế nào là Bồ-tát có tâm bình đẳng đối với chúng sinh?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát ma-ha-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, phát sinh Bốn tâm vô lượng là từ, bi, hỷ, xả, ấy gọi là Bồ-tát tâm bình đẳng đối với chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát tu bố thí?

Phật dạy: Bồ-tát thí cho hết thảy chúng sinh không phân biệt, ấy gọi là tu bố thí.

Thế nào là Bồ-tát thân cận thiện tri thức?

Phật dạy: Thường dạy trú vào trong Nhất thiết chủng trí, thiện tri thức như vậy, nên thân cận hỏi han lãnh thọ, cung kính cúng dường, ấy gọi là thân cận thiện tri thức.

Thế nào là Bồ-tát cầu pháp?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà cầu pháp, không rơi vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, ấy gọi là cầu pháp.

Thế nào là Bồ-tát thường xuất gia trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát đời đời không có tâm hỗn tạp xuất gia trong Phật pháp, không ai làm chướng ngại được, ấy gọi là thường xuất gia trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát ưa vui thân Phật trị địa nghiệp?

Phật dạy: Nếu Bồ-tát thấy thân tướng của Phật cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa niệm Phật, ấy gọi là Bồ-tát ưa vui thân Phật trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát diễn xuất giáo pháp trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát hoặc lúc Phật còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, vì chúng sinh thuyết pháp, đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối đều lành, diệu nghĩa khéo nói, thanh tịnh thuần nhất, đầy đủ đó là Khế kinh cho đến Luận nghị, ấy gọi là diễn xuất giáo pháp trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát do phá kiêu mạn nên không sinh vào nhà hạ tiện, ấy gọi là Bồ-tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát thật ngữ trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ-tát làm đúng như nói, ấy gọi là Bồ-tát thật ngữ trị địa nghiệp.

Ấy là Bồ-tát ma-ha-tát trú trong Sơ địa tu hành mười việc trị địa nghiệp.

LUẬN: Luận giả nói: Tu-bồ-đề trên kia hỏi Đại thừa, Phật mỗi

mỗi đáp rõ tướng Đại thừa, trên lại hỏi phát thú Đại thừa, nay đây đáp tướng phát thú Đại thừa. Bồ-tát ma-ha-tát nương Đại thừa ấy, biết hết thấy pháp từ xưa lại đây chẳng đến chẳng đi, không động không phát, vì pháp tánh thường trú. Lại vì tâm đại bi, vì Tinh tấn Ba-la-mật, vì lực phương tiện nên lại tu các pháp lành, lại cầu chỗ cao thắng mà không chấp thủ tướng địa vị, cũng không thấy địa vị ấy.

Hỏi: Nên đáp về phát thú Đại thừa, cứ sao nói phát thú địa.

Đáp: Đại thừa tức là địa, địa có mười phần. Từ Sơ địa đến Nhị địa gọi là phát thú; ví như cưỡi ngựa đi đến voi, bỏ ngựa cưỡi voi, cưỡi voi đi đến rồng, bỏ voi cưỡi rồng (phát thú nghĩa là phát xuất và đi đến-ND).

Hỏi: Trong đây là mười địa nào?

Đáp: Địa có hai thứ: 1. Chỉ địa vị Bồ-tát. 2. Địa vị chung, địa vị chung là từ Càn-tuệ địa cho đến Phật địa. Chỉ riêng địa vị Bồ-tát là Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Hữu quang địa, Tăng diệu địa, Nan thắng địa, Hiện tại địa, Thâm nhập địa, Bất động địa, Thiện tướng địa, Pháp vân địa (Có chỗ ghi: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn ly địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa – ND). Tướng mười địa này như trong kinh Thập địa nói rộng.

Bồ-tát vào Sơ địa nên làm mười pháp, từ thâm tâm cho đến thật ngữ. Tu-bồ-đề, tuy biết mà vì dứt cái nghi của chúng sinh nên hỏi Thế Tôn: Thế nào là thâm tâm? Phật đáp: Tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng, nhóm các căn lành.

Tâm Trí nhất thiết chủng là, Bồ-tát ma-ha-tát ban đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện Ta trong đời vị lai sẽ làm Phật, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy tức là tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng.

Tương ứng là, buộc tâm, nguyện ta sẽ làm Phật. Nếu Bồ-tát lợi căn, nhóm nhiều phước đức, các phiền não mỏng, tội nghiệp quá khứ ít. Phát tâm tức thâm tâm. Thâm tâm vui sâu Phật đạo, đời đời tâm thế gian mỏng, ấy gọi là tâm tương ứng Trí nhất thiết chủng, làm hết thấy công đức, hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc tu định v.v... không cầu phước lạc đời này đời sau, sống lâu an ổn, chỉ vì Trí nhất thiết chủng; ví như người xan tham, không có nhân duyên, cho đến một tiền cũng không thí, tham tiếc tích tụ, chỉ mong tăng trưởng. Bồ-tát cũng như vậy, phước đức hoặc nhiều hoặc ít, không hướng đến việc khác, chỉ tham tiếc tích tụ, hướng đến Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Bồ-tát ấy chưa biết Trí nhất thiết chủng, không được mùi vị của nó, làm sao có thể có được thâm tâm cầu Trí nhất thiết chủng?

Đáp: Tôi trước đã nói. Người ấy nếu lợi căn, các phiền não mỏng, phước đức thuần hậu, không ưa vui vẻ thế gian, tuy chưa nghe tán thán Đại thừa, còn không ưa vui thế gian hưởng gì đã nghe. Như Ma-ha Ca-diếp cưới gái Kim sắc làm vợ, tâm chẳng ưa vui, xả bỏ xuất gia. Lại như con trưởng giả Gia-xá, nửa đêm trông thấy bọn thế nữ đều giống như chết, liền bỏ của báu trị giá mười vạn lượng vàng, đi chân đến bên bờ sông, vượt qua thẳng đến chỗ Phật. Các quốc vương, quý nhân như vậy, người chán bỏ ngũ dục vô số, hưởng gì Bồ-tát nghe nói mỗi mỗi nhân duyên công đức Phật đạo, mà không tức thời phát tâm thâm nhập? Như trong phẩm Tát-đà-ba-luân ở sau, con gái Trưởng giả nghe tán thán công đức Phật, liền bỏ nhà đi đến chỗ Đàm-vô-kiệt.

Lại nữa, năm căn tín, tấn v.v... thành tựu thuần thực nên có thể được thâm tâm ấy, ví như tiểu nhi, năm thức nhãn nhĩ v.v... vì căn chưa thành tựu nên không phân biệt được năm trần, không biết tốt xấu. Năm căn tín, tấn v.v... chưa thành tựu cũng như vậy. Không rõ thiện ác, không biết trời mở, ưa vui năm dục, chìm trong tà kiến. Năm căn tín tấn v.v... thành thực thì có thể phân biệt thiện ác. Còn ưa vui mười thiện đạo, pháp Thanh-văn, hưởng gì đạo Vô thượng mà không tưởng niệm sâu xa. Bắt đầu phát tâm vô thượng đạo đã là tối thượng ở trong thế gian hưởng gì khi đã thành tựu.

Lại nữa, Bồ-tát bắt đầu được mùi vị Bát-nhã Ba-la-mật nên có thể phát sinh thâm tâm; như người bị nhốt ở chỗ tối, qua khe nhỏ thấy ánh sáng, thì tâm sung sướng nhẩy nhót, nghĩ rằng: Tất cả mọi người đều chỉ cần thấy được ánh sáng. Như vậy, hân hoan ưa vui, liền sinh thâm tâm nhớ tới ánh sáng ấy, tìm cách thoát ra. Bồ-tát cũng như vậy, vì nhân duyên nghiệp trước mà bị nhốt trong ngục mười hai nhập vô minh tối tăm, có thấy biết gì đều là hư vọng. Khi nghe Bát-nhã Ba-la-mật, được chút mùi vị, nhớ sâu Trí nhất thiết chủng, rằng ta sẽ làm sao ra khỏi cái ngục sáu thức này, được giống như Phật, thánh nhân.

Lại nữa, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành theo nguyện, vì vậy nên sinh thâm tâm.

Thâm tâm là, ưa các pháp không bằng ưa Trí nhất thiết chủng, yêu hết thảy chúng sinh không bằng yêu Phật. Lại sâu vào tâm bi, lợi ích chúng sinh, như vậy gọi là tướng thâm tâm. Sơ địa Bồ-tát nên thường tu hành tâm ấy.

Tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh là, Bồ-tát được thâm

tâm ấy rồi, tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh, chúng sinh thường tình ưa cái mình thân, ghét cái mình ghét. Bồ-tát được thâm tâm nên người oán kẻ thân bình đẳng, xem đó không hai. Trong đây Phật tự nói: Đẳng tâm là Bốn tâm vô lượng. Bồ-tát thấy chúng sinh thọ vui, thì sinh tâm từ, tâm hỷ, nguyện rằng Ta sẽ làm cho hết thảy chúng sinh đều được cái vui của Phật. Nếu thấy chúng sinh thọ khổ thì sinh tâm bi thương xót, nguyện rằng Ta sẽ cứu chúng sinh ra khỏi khổ; nếu thấy chúng sinh thọ không khổ không vui, thì sinh tâm xả, nguyện rằng Ta sẽ làm cho chúng sinh bỏ tâm thương ghét. Các nghĩa khác về Bốn tâm vô lượng như trước nói.

Tâm xả là, xả có hai thứ: 1. Xả của, tu bố thí. 2. Xả kiết sử, đắc đạo. Đây lấy việc trừ xan lẫn làm xả, làm nhân duyên cho xả kiết sử, đến địa thứ bảy mới có thể xả kiết sử.

Hỏi: Tướng xả có các thứ trong ngoài, nhẹ nặng, tài thí, pháp thí, thế gian, xuất thế gian v.v... có sao Phật chỉ nói bố thí xuất thế gian không có phân biệt ức tướng?

Đáp: Bố thí tuy có các tướng, nhưng đây chỉ nói đại bố thí không chấp thủ tướng.

Lại nữa, Phật không đấm trước hết thảy pháp, cũng lấy đó dạy Bồ-tát bố thí, khiến như Phật pháp không đấm trước. Trong đây nên nói rộng bố thí không phân biệt, các tướng bố thí khác đã phân biệt nói ở nhiều nơi.

Nghĩa thân cận thiện tri thức như trước đã nói.

Cầu pháp là, pháp có ba: 1. Pháp vô thượng trong các pháp, đó là Niết-bàn. 2. Pháp phương tiện được Niết-bàn, đó là Tám Thánh đạo. 3. Tất cả lời nói lành, lời nói chân thật, giúp Tám Thánh đạo là 84.000 pháp tụ, mười hai bộ Kinh. Bốn tạng là A-hàm, A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, Tạp-tạng. Các kinh Đại thừa như đại Bát-nhã Ba-la-mật v.v... đều gọi là pháp. Trong đây, cầu pháp là viết chép, đọc tụng, ức niệm đúng đắn, như vậy, vì trị bệnh chúng sinh nhóm các pháp được, không tiếc thân mạng. Như đức Phật Thích-ca Văn, lúc xưa làm Bồ-tát, tên là Lạc Pháp, đời ấy không có Phật, không được nghe lời nói lành, đi bốn phương cầu pháp, siêng năng không biếng nhác, trọn không chứng được, khi ấy ma biến làm người Bà-la-môn, nói với Bồ-tát rằng: Ta có bài kệ của Phật, ông có thể lấy da làm giấy, lấy xương làm bút, lấy máu làm mực, ghi chép kệ ấy, ta sẽ nói cho ông.

Bồ-tát liền tự nghĩ: Ta đời đời nát thân vô số mà không được lợi này, liền tự lột da phơi khô, để chép kệ ấy. Ma liền biến mất. Khi ấy

Phật biết tâm chí thành của Bồ-tát liền từ phương dưới vọt lên, thuyết cho pháp thâm sâu, Bồ-tát liền được vô sinh pháp nhẫn. Lại như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân (Thường đề Bồ-tát) khổ hạnh cầu pháp, như Bồ-tát Thích-ca Văn, trăm cái đinh đóng vào thân, vì tâm cầu pháp. Lại như vua Kim Kiên khoét thân năm trăm chỗ làm tim đèn, gieo từ núi cao vào lửa. Như vậy các cách khổ hạnh khó làm, vì chúng sinh mà cầu pháp.

Lại nữa, Phật tự nói tướng cầu pháp, vì Trí nhất thiết chủng, chứ không vì địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Thường xuất gia là, Bồ-tát tại gia có các nhân duyên gây tội, nếu Ta ở nhà thì tự mình không thể tu hạnh thanh tịnh, làm sao khiến người khác được hạnh thanh tịnh? Nếu theo pháp tại gia thì có những roi gây làm khổ não chúng sinh, nếu làm theo pháp lành thì phá phép tại gia. Trừ lượng hai việc, ta nay không xuất gia, thì khi chết cũng phải bỏ hết, xa lìa bây giờ, phước đức rất lớn.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng hết thấy quốc vương, quý nhân thế lực như trời, cầu vui chưa thôi thì cái chết đến cướp ngang! Ta nay vì chúng sinh nên bỏ nhà, giữ giới thanh tịnh, cầu Phật đạo, đầy đủ nhân duyên Giới Ba-la-mật. Trong đây Phật tự nói, Bồ-tát đời đời không tạp tâm xuất gia. Không tạp tâm là không xuất gia trong chín mươi sáu phái ngoại đạo, chỉ xuất gia trong Phật đạo. Vì sao? Vì trong Phật đạo có hai thứ chánh kiến là thế gian chánh kiến và xuất thế gian chánh kiến.

Ưa vui thân Phật là, nghe lời tán thán Phật có các công đức Mười lực, Bốn điều không sợ, Đại từ Đại bi, hết thấy trí tuệ. Lại thấy thân Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, phóng hào quang lớn, trời người cúng dường, không biết chán đủ, tự biết ta trong đời sau cũng sẽ được như vậy. Giả sử không có được nhân duyên làm Phật mà còn ưa vui, hưởng sẽ được mà không ưa vui. Có được thâm tâm ưa thích Phật ấy nên đời đời thường được gặp Phật.

Diễn xuất giáo pháp là, Bồ-tát cầu pháp như trên rồi, vì chúng sinh mà diễn nói.

Bồ-tát tại gia là, phần nhiều đem của bố thí, còn xuất gia thì tâm ưa Phật nặng nên thường lấy pháp bố thí. Hoặc Phật ở đời, hoặc không ở đời, khéo tu trì giới, không cầu danh lợi, tâm bình đẳng vì hết thấy chúng sinh mà thuyết pháp, tán thán nghĩa bố thí, gọi là sơ thiện phân biệt; tán thán trì giới, gọi là trung thiện. Quả báo của hai việc này là hoặc được sinh vào nước chư Phật, hoặc làm trời lớn, gọi là hậu thiện.

Lại nữa, thấy chịu thân năm thọ uẩn ở trong ba cõi nhiều khổ não,

thì sinh tâm nhằm chán, gọi là sơ thiện, bỏ nhà xuất gia, vì thân xa lìa nên gọi là trung thiện; vì tâm xa lìa phiền não, nên gọi là hậu thiện.

Giải nói Thanh-văn thừa, gọi là sơ thiện; giải thuyết Bích-chi Phật thừa, gọi là trung thiện; tuyên dương Đại thừa, gọi là hậu thiện.

Diệu nghĩa diệu ngữ là, ba loại ngôn ngữ, tuy lời diệu mà nghĩa cạn cợt, hoặc tuy lý thâm diệu mà lời không đầy đủ, vì vậy nên nói diệu nghĩa diệu ngữ. Lìa ba độc câu chỉ nói chánh pháp, không tạp phi pháp, ấy gọi là thanh tịnh. Đầy đủ Tám Thánh đạo, Sáu Ba-la-mật nên gọi là đầy đủ.

Tu-đa-la, mười hai bộ Kinh như trước đã nói.

Phá kiêu mạn là Bồ-tát ấy xuất gia, giữ giới, thuyết pháp dứt nghi cho chúng, hoặc có khi tự thị mà sinh kiêu mạn. Lúc ấy nên nghĩ rằng, ta cao tóc mặc Ca-sa, bưng bát khát thực, ấy là phương pháp phá kiêu mạn, tại sao ở đây ta sinh kiêu mạn?

Lại, kiêu mạn ấy ở trong tâm người thì che mất công đức, người ta không ưa, tiếng xấu lan truyền, thân sau thường sinh vào trong loài súc sinh tệ ác, hoặc sinh trong loài người quê mùa hà tiện. Biết kiêu mạn có vô lượng tội lỗi như vậy, phá kiêu mạn ấy vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như người cầu tài vật còn phải khiêm tốn hạ mình, huống gì cầu đạo Vô thượng. Do phá kiêu mạn mà thường sinh chỗ tôn quý, trọn không sinh vào nhà hà tiện.

Thật ngữ là, gốc của các điều lành, là nhân duyên được sinh cõi trời, được người tín thọ. Người tu hành thật ngữ, không cần bố thí, trì giới, học vấn, chỉ tu thật ngữ, được phước vô lượng. Thật ngữ là làm đúng như nói.

Hỏi: Khẩu nghiệp có bốn thứ, cơ sao chỉ nói thật ngữ?

Đáp: Trong Phật pháp quý sự thật, nên nói thật là thu nhiếp các điều khác. Bốn để thật nên được Niết-bàn.

Lại nữa, Bồ-tát với chúng sinh cộng sự, nói dữ, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, hoặc có khi có thể có, còn vọng ngữ tội nặng nên ở Sơ địa phải bỏ. Bồ-tát ấy tu hành Sơ địa, chưa thể đầy đủ tu cả bốn nghiệp miệng, nên chỉ nói thật ngữ. Trong địa thứ hai thì có thể đầy đủ.

Hỏi: Trong Sơ địa cơ sao chỉ nói mười việc?

Đáp: Phải là vua pháp, tự tại giữa các pháp, biết mười pháp ấy thành được Sơ địa; ví như lương y biết rõ dược thảo số lượng hoặc năm hoặc mười đủ để trừ bệnh, trong đây không nên nản hỏi nhiều ít.

KINH: Thế nào là Bồ-tát giới thanh tịnh? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát không có tâm niệm đến Thanh-văn, Bích-chi Phật và các sự phá giới

chương đạo pháp Phật, gọi là giới thanh tịnh.

Thế nào là Bồ-tát biết ân, báo ân? Nếu Bồ-tát ma-ha-tát hành đạo Bồ-tát cho đến ân nhỏ còn không quên hướng gì ân nhiều, ấy gọi là Bồ-tát biết ân, báo ân.

Thế nào là Bồ-tát trụ ở lực nhẫn nhục? Nếu Bồ-tát không sân không nảo đối với hết thảy chúng sinh, ấy gọi là trụ ở lực nhẫn nhục.

Thế nào là Bồ-tát thọ hoan hỷ? Thành tựu cho chúng sinh, lấy đó làm mừng, ấy gọi là thọ hoan hỷ.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ hết thảy chúng sinh? Nếu Bồ-tát có tâm niệm muốn giáo hóa tất cả chúng sinh, ấy gọi là không bỏ hết thảy chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát vào tâm đại bi? Nếu Bồ-tát nghĩ như vậy: Ta vì mỗi mỗi chúng sinh chịu cần khổ trong địa ngục trải qua nhiều kiếp như cát sông Hằng, cho đến mỗi chúng sinh ấy được Phật đạo vào Niết-bàn, như vậy gọi là vì mười phương hết thảy chúng sinh nhẫn chịu thống khổ, ấy gọi là vào tâm đại bi.

Bồ-tát tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ thế nào? Nếu Bồ-tát đối với các thầy tướng như là Thế Tôn, ấy gọi là tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ.

Thế nào là Bồ-tát siêng cầu các Ba-la-mật? Nếu Bồ-tát nhất tâm cầu các Ba-la-mật không cầu việc khác, ấy gọi là siêng cầu các Ba-la-mật; ấy là Bồ-tát ma-ha-tát trụ ở địa thứ hai đầy đủ tám pháp.

Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát học vấn nhiều không nhàm đủ? Pháp của chư Phật nói, hoặc nói ở trong thế giới này, hoặc chư Phật trong mười phương thế giới nói, đều muốn nghe và thọ trì, ấy gọi là học vấn nhiều không nhàm đủ.

Thế nào là Bồ-tát pháp thí thanh tịnh? Có bố thí pháp cho đến không cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hướng gì cầu việc khác, ấy gọi là thí pháp không cầu danh lợi.

Thế nào là Bồ-tát tịnh thế giới Phật? Dem các căn lành hồi hướng, tịnh thế giới Phật, ấy gọi là tịnh thế giới Phật.

Thế nào là Bồ-tát chịu vô lượng cần khổ của thế gian không lấy làm chán? Nhờ đầy đủ các căn lành nên có thể thành tựu chúng sinh, cũng trang nghiêm Phật độ, cho đến khi đầy đủ Trí nhất thiết chủng trọn không mệt chán, ấy gọi là chịu vô lượng cần khổ không lấy làm chán.

Thế nào là Bồ-tát trụ ở chỗ tầm quý? Hổ thẹn ý nghĩ Thanh-văn, Bích-chi Phật, ấy gọi là trụ ở chỗ tầm quý; ấy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát trụ ở trong địa thứ Ba đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ trú xứ A-lan-nhã? Hay vượt quá địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, ấy gọi là không bỏ trú xứ A-lan-nhã.

Thế nào là Bồ-tát ít muốn? Bồ-tát ít muốn là cho đến đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không muốn, huống gì thứ khác, ấy gọi là ít muốn.

Thế nào là Bồ-tát biết đủ? Được Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là biết đủ.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ công đức đầu đà? Quán các pháp nhãn thâm sâu, ấy gọi là không bỏ công đức đầu đà.

Thế nào là Bồ-tát không bỏ giới? Không chấp thủ giới tướng, ấy gọi là không bỏ giới.

Thế nào là Bồ-tát gồm ghét các dục? Tâm dục không sinh, ấy gọi là gồm ghét các dục.

Thế nào là Bồ-tát tâm chán thế gian? Biết hết thấy pháp chẳng tạo tác, ấy gọi là chán thế gian.

Thế nào là Bồ-tát bỏ tất cả sở hữu? Không tiếc các pháp trong ngoài, ấy gọi là bỏ tất cả sở hữu.

Thế nào gọi là Bồ-tát tâm không ỉn mát? Hai thứ thức xứ tâm không sinh, ấy gọi là tâm không ỉn mát.

Thế nào là Bồ-tát không tiếc hết thấy vật? Đối với hết thấy vật không đắm không nhớ, ấy gọi là không tiếc hết thấy vật; ấy là Bồ-tát ở trong địa thứ tư không bỏ mười pháp.

Vì sao Bồ-tát xa lìa hàng bạch y thân thích? Vì Bồ-tát tùy chỗ sinh ra đều muốn xuất gia, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thường xuất gia, cạo tóc, mặc pháp y, ấy gọi là xa lìa hàng bạch y thân thích.

Vì sao Bồ-tát xa lìa Tỳ-kheo ni? Không ở chung với Tỳ-kheo ni, dù cho trong khoảng khắc cũng không sinh niệm, ấy gọi là xa lìa Tỳ-kheo ni.

Vì sao Bồ-tát xa lìa lẩn tiếc nhà người khác? Bồ-tát suy nghĩ như vậy: Ta nên làm an lạc chúng sinh, nay kia giúp ta an lạc, cố sao ta sinh lẩn tiếc? Ấy gọi là xa lìa lẩn tiếc nhà người khác.

Vì sao Bồ-tát xa lìa đàm thuyết vô ích? Vì nếu có đàm thuyết thì hoặc sinh tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật, ta nên xa lìa; ấy gọi là đàm thuyết vô ích.

Vì sao Bồ-tát xa lìa sân hận? Vì Không để cho tâm sân, tâm não hại, tâm đấu tranh xen vào, ấy gọi là xa lìa sân hận.

Vì sao Bồ-tát xa lìa tự đại (Đại Bát-nhã ghi: Khen mình chê người – ND) ? Vì không thấy pháp trong, ấy gọi là xa lìa tự đại.

Vì sao Bồ-tát xa lìa miệt thị người? Vì không thấy pháp ngoài, ấy gọi là xa lìa miệt thị người.

Vì sao Bồ-tát xa lìa mười bất thiện đạo? Vì mười bất thiện đạo ấy hay chướng ngại Tám Thánh đạo, hướng gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là xa lìa mười bất thiện đạo.

Vì sao Bồ-tát xa lìa đại mạn? Vì Bồ-tát không thấy pháp có thể khởi lên đại mạn (tăng thượng mạn), ấy gọi là xa lìa đại mạn.

Vì sao Bồ-tát xa lìa tự dụng? Vì Bồ-tát không thấy pháp có thể khởi lên tự dụng, ấy gọi là xa lìa tự dụng (Đại Bát-nhã ghi: Do dự-ND).

Vì sao Bồ-tát xa lìa điên đảo? Vì chỗ điên đảo không thể có được, ấy gọi là xa lìa điên đảo.

Vì sao Bồ-tát xa lìa dâm, nộ, si? Vì chỗ dâm, nộ, si không thể thấy được, ấy gọi là xa lìa dâm, nộ, si; ấy là trú địa thứ năm xa lìa mười hai pháp.

Bồ-tát trú trong địa thứ sáu đầy đủ sáu pháp đó là Sáu Ba-la-mật. Chư Phật và Thanh-văn, Bích-chi Phật trú trong Sáu Ba-la-mật, có thể qua bờ kia, ấy gọi là đầy đủ sáu pháp.

Vì sao Bồ-tát không tác ý Thanh-văn, Bích-chi Phật? Vì nghĩ rằng ý Thanh-văn, Bích-chi Phật chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao Bồ-tát bố thí không sinh tâm ưu? Vì nghĩ rằng tâm ấy chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao Bồ-tát thấy có người đến xin, tâm không thối mất? Vì nghĩ rằng tâm ấy chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Bồ-tát bố thí vật sở hữu? Bồ-tát khi mới phát tâm bố thí, không nói rằng người ấy đáng cho, người ấy không đáng cho.

Vì sao Bồ-tát sau khi bố thí không hối tiếc? Vì lực từ-bi.

Vì sao Bồ-tát không nghi pháp sâu xa? Vì lực công đức của lòng tin; ấy là Bồ-tát trú trong địa thứ sáu xa lìa sáu pháp.

LUẬN: Luận giả nói:Giới thanh tịnh là ở Sơ địa phần nhiều bố thí, thứ đến biết trì giới hơn bố thí. Vì sao? Vì trì giới thì thu nhiếp hết thảy chúng sinh, bố thí thì không thể trùm khắp hết thảy, còn trì giới biến khắp vô lượng; như giới không sát sinh thì là bố thí mạng cho hết thảy chúng sinh; như chúng sinh vô lượng vô biên thì phước đức cũng vô lượng vô biên. Lực nói các việc làm phá hoại Phật đạo, trong đây đều gọi là phá giới. Là sự ô cấu phá giới ấy, gọi là thanh tịnh; cho đến tâm cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật còn gọi là giới cấu, hướng gì các việc ác

khác.

Biết ân báo ân là, có người nói, ta đời trước có nhân duyên phước đức nên được, hoặc nói ta tự nhiên tôn quý, ông có ân gì? Rơi vào tà kiến như vậy, nên Phật nói Bồ-tát nên biết ân. Chúng sinh tuy có nhân vui của đời trước, song đời nay việc không hòa hợp thì do đâu được vui; ví như lúa gieo ở đất, không mưa thì không mọc, không thể vì đất có thể mọc lúa mà nói mưa không có ân; tuy vật được thọ dụng là đã gieo đời trước, mà người cung phụng với tâm tốt kính ái, há lại chẳng phải ân sao?

Lại nữa, biết ân là gốc đại bi, mở cửa ban đầu thiện nghiệp, được người ái kính, danh dự truyền xa, chết được sinh cõi trời, cuối cùng thành Phật đạo. Người không biết ân thì tệ hơn súc sinh. Như Phật nói kinh Bốn sinh rằng: Có người vào núi đốn cây, mê tối lạc đường, khi ấy gặp mưa bão, trời tối đói rét, ác trùng thú độc muốn đến xâm hại. Người ấy đi vào một cái hang đá, trong hang có một con gấu lớn, người ấy trông thấy khiếp sợ đi ra. Gấu nói: Người chớ khiếp sợ, nhà này ấm nóng, có thể ở đêm. Thời gian mưa suốt bảy ngày, gấu thường lấy trái ngọt nước ngon, cung cấp cho người ấy; bảy ngày ngưng mưa, gấu đưa người ấy chỉ cho đường đi. Gấu nói với người: Ta mang thân tội, có nhiều kẻ oan gia, nếu có ai hỏi, chớ nói thấy ta. Người đáp: Vâng. Người ấy đi tối, gặp các người thợ săn, thợ săn hỏi: Ông từ đâu đến? Thấy có bầy thú chằng? Đáp: Ta thấy một con gấu lớn; gấu ấy có ân với ta, không được chỉ cho ông. Thợ săn nói: Ông là người, nên vì cùng loài người thân nhau, cớ sao lại tiếc thương con gấu. Nay một lần lạc đường, lúc nào trở lại? Ông chỉ cho tôi, tôi sẽ cho ông nhiều phần! Người ấy đổi tâm, liền đem thợ săn chỉ chỗ gấu ở. Thợ săn giết gấu, liền lấy nhiều phần đưa cho. Người ấy ngả tay lấy thịt, hai khuỷu tay đều bị sa xuống. Thợ săn nói: Ông có tội gì? Đáp: Gấu ấy xem ta như cha với con, ta nay bội ân, mắc phải tội ấy. Thợ săn khiếp sợ, không dám ăn thịt, đem thí chúng Tăng, bấy giờ vị Thượng tọa là A-la-hán đủ sáu thần thông nói với các vị hạ tọa: Đây là vị Bồ-tát sẽ thành Phật trong đời vị lai, chớ ăn thịt ấy. Liền dựng tháp cúng dường.

Vua nghe việc ấy, sắc xuống trong nước: Người không biết ân, không cho ở đây. Lại dùng các nhân duyên tán thán người biết ân. Cái nghĩa lý biết ân, ban khắp cõi Diêm-phù-đề, người đều tin làm.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu người có việc ác đối với ta, ta còn nên hóa độ, hướng gì người đối với ta có ân.

Lực an trú nhẫn nhục như đã nói rộng trong đoạn Nhẫn Ba-la-

mật.

Hỏi: Tướng nhãn nhục có nhiều nhân duyên, sao trong đây chỉ nói không giận, không não?

Đáp: Đây là thể nhãn nhục. Trước khởi tâm giận vậy sau thân miệng mới xúc não người khác. Bồ-tát ấy mới bắt đầu tu nên chỉ nói chúng sinh nhãn (nhãn đối chúng sinh) không nói pháp thân nhãn (nhãn đối với pháp).

Thọ hoan hỷ là, Bồ-tát thấy việc trì giới thân miệng thanh tịnh; biết ân và nhãn nhục tâm thanh tịnh; ba nghiệp thanh tịnh thì tự nhiên sinh hoan hỷ. Ví như người tắm nước nấu hương thơm, mặc áo mới đẹp, trang nghiêm anh lạc, tự soi gương, tâm sinh hoan hỷ, Bồ-tát cũng như vậy, được thiện pháp ấy tự trang nghiêm. Giới là căn bản của thiền định trí tuệ, ta nay được giới thanh tịnh nên vô lượng vô biên phước đức đều dễ được, vì vậy tự mình vui mừng. Bồ-tát an trú trong tịnh giới và nhãn nhục, giáo hóa chúng sinh, khiến được sinh ở trước Phật nơi phương khác, lại sinh vào cõi trời cõi người thọ vui, hoặc khiến đắc Thanh-văn, Bích-chi Phật thừa. Phật thừa là, xem thấy chúng sinh đăm trước cái vui như Trưởng giả xem thấy con dại vui đùa với nhau, cũng cùng vui đùa với nó, rồi lấy một ít vật lạ cho nó, khiến nó bỏ các thứ ưa đấm. Bồ-tát cũng như vậy, giáo hóa chúng sinh khiến được phước lạc cõi trời người, dần dần dụ dỗ tiến tới, khiến được ba thừa. Vì vậy nói là thọ hoan hỷ.

Không bỏ hết thấy chúng sinh là, khéo tu tập tâm Đại bi, thế độ chúng sinh, phát tâm kiên cố, không bị chur Phật Thánh hiền khinh cười và sợ phụ lòng chúng sinh nên không bỏ; ví như trước hứa cho người vật gì, sau nếu không cho, tức là người có tội đối trá. Vì nhân duyên ấy nên không bỏ chúng sinh.

Vào tâm đại bi là, như trước nói. Trong đây Phật tự nói: Bản nguyện đại tâm vì chúng sinh, nghĩa là vì mỗi mỗi người nên ở trong vô lượng kiếp chịu thay sự khổ địa ngục, cho đến khiến người ta tập tu công đức để làm Phật, vào Vô-dư Niết-bàn.

Hỏi: Không có việc chịu tội thay, cơ sao phát nguyện ấy?

Đáp: Đó là tâm rộng lớn của Bồ-tát thương chúng sinh sâu xa, nếu có lý lẽ thay được thì chịu thay không nghi nan.

Lại nữa, Bồ-tát thấy nhân gian có miếu thờ trời, dùng máu thịt ngũ tạng của người để tế quỷ thần La sát, có người chịu thay thế thì được. Bồ-tát nghĩ rằng trong địa ngục, nếu có lẽ thay thế như vậy, thì ta sẽ thay thế. Chúng sinh nghe Bồ-tát có tâm lớn như vậy, thì quý kính tôn trọng. Vì sao? Vì Bồ-tát luôn nghĩ đến chúng sinh hơn mẹ lành.

Tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ là, Bồ-tát nhân nơi thầy mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao không tin kính, cúng dường. Thầy tuy trí tuệ cao minh, nhưng nếu không cung kính, cúng dường thì không được lợi lớn; ví như nước ngon dưới giếng sâu, nếu không có dây, gàu thì do đâu mức được nước? Nếu dẹp bỏ tâm cống cao kiêu mạn mà tôn trọng kính phục, thì lợi ích lớn, công đức qui tụ về; ví như mưa xuống, chẳng ở đỉnh núi mà chắc chắn qui về chỗ thấp. Nếu người có tâm kiêu mạn tự cao thì nước pháp không vào, nếu cung kính thầy lành, thì công đức qui tụ về.

Lại nữa, Phật dạy nương dựa thầy lành thì việc trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát đều được tăng trưởng; ví như cây cỏ nương nơi núi tuyết thì gốc, cành, nhánh, lá, hoa, quả đều được tươi tốt. Vì vậy Phật dạy đối với bậc tôn sư hãy kính như kính Phật.

Hỏi: Ác sư làm sao được cúng dường tín thọ? Thiện sư không thể xem như Phật, huống gì ác sư? Cớ sao ở trong đây Phật dạy đối với các tôn sư hãy tưởng như Phật?

Đáp: Bồ-tát không nên thuận theo pháp thế gian. Thuận theo pháp thế gian là đối với người thiện tâm ưa đắm, đối với người ác xa lìa, Bồ-tát thì không như vậy. Nếu có ai mở bày giải thích nghĩa lý thâm sâu, phá tan nghi kiết, đối với ta có ích, thì tận tâm cung kính, không nhớ các ác khác, như dây rách đựng đồ báu, không được vì dây rách mà không lấy đồ báu kia. lại như đêm đi đường hiểm, người tội tệ cầm đuốc, không được vì người tội tệ mà không dùng ánh sáng đó. Bồ-tát cũng như vậy, nơi thầy được trí tuệ sáng suốt, không kể thầy tệ ác.

Lại nữa, đệ tử nên nghĩ rằng: Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, có vô lượng lực phương tiện, không biết cớ sao lại có việc tệ ác ấy? Như Bồ-tát Thường đế (Tát-đà-ba-luân) nghe trong hư không mười phương Phật dạy rằng: Người đối với Pháp sư, chớ nên nhớ đến điều thiếu kém của pháp sư, mà thường nên sinh tâm kính sợ.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: Pháp sư hay dở, chẳng phải việc của ta, điều ta cầu là chỉ muốn nghe pháp để tự lợi ích. Như tượng gỗ, tượng đất, không có công đức thật, nhưng nhờ nơi tượng mà phát sinh tâm tưởng Phật, được công đức vô lượng, huống gì người ấy có trí tuệ và phương tiện có thể vì người giảng nói. Vì vậy, pháp sư có lỗi, đối với ta không lỗi.

Tưởng như Thế Tôn là, tôi trước nói Bồ-tát khác với người đời; người đời phân biệt tốt xấu, đối với người tốt thì ưa đắm, mà còn không tưởng họ như Phật; huống nữa là đối với người xấu thì càng kiêu mạn,

không coi họ ra gì. Bồ-tát thì không như vậy, quán các pháp rốt ráo không, từ xưa lại đây, giống như tướng Vô-dư Niết-bàn, quán hết thấy chúng sinh xem đó như Phật, hướng gì pháp sư có trí tuệ lợi ích, vì hay làm Phật sự nên xem như Phật.

Siêng cầu các Ba-la-mật là, Bồ-tát nghĩ rằng: Sáu Ba-la-mật ấy là nhân duyên của đạo chánh chân vô thượng, ta hãy nhất tâm hành nhân duyên ấy, thí như người đi buôn, người làm ruộng, tùy theo quốc độ thích ứng, cần thiết vật gì và đất thích hợp giống cây gì, mà siêng năng tìm tòi cho đạt được, thì không việc gì không thành. Lại như đời nay thực hành bố thí sau được giàu có, giữ giới sau được tôn quý, tu thiền định trí tuệ thì đắc đạo. Bồ-tát cũng như vậy, tu Sáu Ba-la-mật thời được thành Phật.

Siêng cầu là, thường nhất tâm siêng cầu Sáu Ba-la-mật. Vì cố sao? Vì nếu tâm mềm tiến chậm thì bị phiền não che lấp, ma phá hoại, vì vậy nên Phật dạy ở trong địa thứ hai siêng cầu chớ giải đãi.

Học vấn nhiều, không chán đủ là, Bồ-tát biết học vấn nhiều là nhân duyên sinh trí tuệ, được trí tuệ thì có thể phân biệt hành đạo; như người có mắt, đi đến nơi không ngăn ngại. Thế nên Bồ-tát nguyện rằng: Mười phương chư Phật có nói pháp tôi đều thọ trì, nhờ có Văn trì Đà-la-ni, có lực thiên nhĩ thanh tịnh, có được Đà-la-ni không quên, ví như biển lớn, tiếp thụ giữ gìn được nước của mười phương dồn lại, Bồ-tát cũng như vậy, tiếp thụ giữ gìn pháp của mười phương Phật nói ra.

Pháp thí thanh tịnh là, như cỏ sinh giữa lúa, trừ cỏ rác thì lúa tốt. Bồ-tát cũng như vậy, lúc thí pháp không cầu danh lợi, đời sau được quả báo, cho đến vì chúng sinh mà không cầu Niết-bàn Tiểu thừa, chỉ lấy tâm đại bi đối với chúng sinh, theo Phật chuyển pháp luân về tướng thí pháp, tướng trang nghiêm Phật quốc, mà chịu vô lượng cần khổ giữa thế gian, trú ở chỗ tầm quý, không bỏ chỗ A-lan-nhã (nơi nhàn tịnh) ít muốn, biết đủ, tất cả điều như trước nói.

Hỏi: Có nhiều nhân duyên ở trong sinh tử không chán, cố sao trong đây chỉ nói do hai nhân duyên không chán?

Đáp: Vì đầy đủ căn lành nên ở trong sinh tử mà khổ não mỏng ít, ví như người bị mụn ghẻ, được lương y xức thuốc, bệnh thuyên giảm. Bồ-tát được căn lành thanh tịnh nên đời nay tâm ưu sầu, tật đố, hung ác đều ngưng dứt; nếu lại thọ thân, được quả báo của căn lành, tự thọ hưởng phước lạc và các nhân duyên lợi ích chúng sinh, tùy sở nguyện của họ, tự thanh tịnh cõi nước, cõi nước trang nghiêm thanh tịnh hơn cả cung trời, trông không biết chán, làm vui thích tâm vị đại Bồ-tát, hướng

chi người phàm. Vì vậy nên tuy có nhiều nhân duyên chỉ nói hai việc không chán.

Tâm quý tuy có nhiều thứ, ở đây nói thứ lớn là tâm cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát phát tâm muốn rộng độ hết thấy chúng sinh, gặp chút ít khổ não, liền muốn thủ chứng Niết-bàn riêng mình là điều đáng tâm quý; ví như có người dọn nhiều đồ ăn ngon, mời gọi mọi người, song tâm xan lẫn khởi lên, liền tự ăn một mình, thật đáng tâm quý.

Không bỏ trú xứ A-lan-nhã là, lìa chúng ở riêng, hoặc vượt quá tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật gọi là lìa chúng, vì hết thấy pháp không, không có sở đắc, không có chấp thủ, không có đấm tướng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không chấp thủ, vì tâm không có đấm trước. Bồ-tát thường nhóm các công đức không chán đủ, được đạo Vô thượng mới đủ, vì không còn có pháp gì cao hơn.

Ăn uống, y phục, ngọa cụ biết đủ là nhân duyên của pháp lành, không cho là trọng yếu, nên không nói.

Không bỏ công đức hạnh đầu đà là, như trong phẩm Giác Ma sau đây nói: Vô sinh pháp nhẫn, trong đây lấy vô sinh pháp nhẫn làm hạnh đầu đà. Bồ-tát trú ở thuận nhẫn, quán vô sinh nhẫn. Mười hai hạnh đầu đà vì trì giới thanh tịnh, trì giới thanh tịnh vì thiền định, thiền định vì trí tuệ; vô sinh pháp nhẫn tức là chân trí tuệ, vô sinh pháp nhẫn là quả báo của hạnh đầu đà, vì trong quả nói nhân.

Không xả giới, không thủ giới tướng là, Bồ-tát biết thật tướng các pháp, còn không thấy trì giới, huống gì phá giới. Có các nhân duyên không phá giới, đây là tối đại, vì vào không giải thoát môn.

Gỡ ghét các dục là, như trước nói. Trong đây Phật nói biết rõ tâm tướng hư vọng không thật, nên cho đến không sinh tâm dục hướng gì thọ dục.

Tâm chán thế gian là, như đã nói ở trong mục Thế gian không thể có tướng vui. Trong đây Phật nói quả báo của tâm nhàm chán, đó là vô tác giải thoát môn.

Bỏ hết thấy sở hữu là, như trước nói.

Tâm không thối mất là, trước nói nhiều nhân duyên các việc, Bồ-tát đối với các việc ấy mà không có tướng thối mất, sợ hãi.

Không sinh nơi hai thức là, nơi nhãn và sắc không sinh nhãn thức, cho đến nơi ý và pháp không sinh ý thức. Bồ-tát an trú nơi môn không hai ấy, quán các điều sáu thức biết đều là hư vọng không thật. Phát thệ nguyện lớn khiến tất cả chúng sinh trú nơi pháp không hai, lìa sáu thức ấy.

Không tiếc tất cả vật là, trong tất cả vật không tiếc, tuy có nhiều nhân duyên, mà nhân duyên này rất lớn. Đó là Bồ-tát biết tất cả pháp rốt ráo không, không ức niệm, dứt hết thấy tướng chấp thủ. Vì vậy nên không cầu ân huệ nơi người thọ nhận bố thí, trong khi bố thí tâm không tự cao; như vậy là đầy đủ bố Thí Ba-la-mật thanh tịnh.

Xa lìa hàng bạch y thân thích là, hành giả vì sợ làm chướng ngại đạo nên xuất gia, nếu lại tập gần gũi bạch y thì không khác gì ở nhà, vì vậy nên hành giả trước cầu độ mình, vậy sau độ người. Nếu chưa thể độ mình mà muốn độ người, thì giống như người không biết bơi mà muốn cứu kẻ bị chìm, cả hai đều chìm. Bồ-tát xa kia kẻ bạch y thân thích thì có thể nhóm các công đức thanh tịnh, niệm Phật thâm thiết nên biến thân đi đến nước Phật.

Xuất gia cạo tóc mặc pháp y. Vì sao? Vì thường ưa pháp xuất gia, không ưa tập gần gũi bạch y.

Xa lìa Tỳ-kheo ni là, như trong phẩm đầu đà nói.

Hỏi: Bồ-tát tâm bình đẳng xem tất cả chúng sinh, cố sao không được ở chung?

Đáp: Bồ-tát chưa được địa vị bất thối, chưa dứt các lậu hoặc, nhóm các công đức nên được người ưa đấm, vì vậy nên không được ở chung. Lại vì xa lìa sự phỉ báng của người, nếu phỉ báng thì bị đọa địa ngục.

Xa lìa lẫn tiếc nhà người khác là, Bồ-tát nghĩ rằng: Ta tự bỏ nhà còn không tham không tiếc, cố sao tham tiếc nhà người khác. Phép của Bồ-tát là muốn khiến hết thấy chúng sinh được vui, người kia giúp cho ta và chúng sinh vui, cố sao ta lẫn tiếc. Chúng sinh nhờ phước đức đời trước, đời nay có ít nhiều công phu nên được cúng dường, cố sao lẫn tiếc, ganh tị.

Xa lìa sự đàm thuyết vô ích là, đây tức là nói thêu dệt, vì việc giải sâu cho tâm mình tâm người, nói việc phép vua, việc giặc, biển lớn, núi rừng, cỏ thuốc, bảo vật, quốc độ các phương, những việc như vậy, không có ích gì cho phước, cho đạo, Bồ-tát nên nghĩ đến hết thấy chúng sinh chìm đắm trong lửa khổ vô thường, ta hãy cứu vớt, cố sao ngồi yên nói suông những điều vô ích; như người bị lửa cháy nổi dậy bốn phía, làm sao ngồi yên trong đó nói chuyện đầu đầu. Trong đây Phật dạy, nếu nói Thanh-văn, Bích-chi Phật còn cho là nói vô ích, huống gì nói chuyện khác.

Xa lìa giận hờn là, trong tâm mới đầu sinh gọi là giận, vì chưa quyết định. Tâm giận tăng trưởng, sự việc quyết định, đánh, chặt, giết hại, đây gọi là tâm não; ác khẩu chê bai, đây gọi là tâm tranh tụng; nếu giết hại

đánh trời v.v... đây gọi là chiến đấu. Bồ-tát vì đại từ-bi nên không sinh các tâm ấy; thường đề phòng các ác tâm ấy không cho xen vào.

Xa lìa tự đại khinh miệt người là, không thấy pháp trong ngoài, nghĩa là không thấy năm uẩn chấp thọ, năm uẩn không chấp thọ.

Xa lìa mười bất thiện đạo là, Bồ-tát quán mười bất thiện đạo là nhân duyên của các tội lỗi, như trước nói. Trong đây Phật dạy mười bất thiện đạo còn phá Tiểu thừa, hướng về Đại thừa.

Xa lìa đại mạn là, Bồ-tát hành Mười tám không, không thấy các pháp có tướng lớn nhỏ nhất định.

Xa lìa tự dụng là, nhờ bảy thứ gốc rễ kiêu mạn, lại ưa thích sâu sắc thiện pháp.

Xa lìa điên đảo là, trong hết thấy pháp tướng thường, lạc, ngã, tịnh không thể có được.

Xa lìa ba độc là, ba độc nghĩa như trước nói: Lại, sở duyên của ba độc không có tướng nhất định.

Sáu Ba-la-mật là, như trước nói. Trong đây Phật dạy hàng tam thừa đều do Sáu Ba-la-mật này mà đến được bờ kia.

Hỏi: Đây là ở địa vị Bồ-tát, cơ sao nói Thanh-văn, Bích-chi Phật do Sáu Ba-la-mật đến được bờ kia?

Đáp: Nay Phật nói Sáu Ba-la-mật, có nhiều công năng, trong pháp Đại thừa, đã gồm thâu cả Tiểu thừa, còn Tiểu thừa thời không thể. Bồ-tát trú trong địa thứ sáu đầy đủ Sáu Ba-la-mật, quán hết thấy các pháp không, chưa được lực phương tiện, sợ đọa vào địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, Phật tử hộ nên nói không nên sinh tâm Thanh-văn, Bích-chi Phật. Bồ-tát vì luôn nghĩ đến chúng sinh, vì tâm đại bi, vì hết thấy các pháp rốt ráo không, nên khi bố thí không tiếc gì, thấy người đến xin không giận không lo, sau khi bố thí tâm cũng không hối tiếc; phước đức lớn nên đức tin cũng lớn, tin kính chư Phật một cách thâm sâu thanh tịnh, đầy đủ sáu Ba-la-mật, tuy chưa có lực phương tiện, vô sinh pháp nhẫn, Ban châu Tam-muội, mà đối với pháp thâm sâu cũng không nghi. Nghĩ rằng: Hết thấy luận nghị đều có lỗi lầm, chỉ trí tuệ Phật mới diệt các hý luận. Không có khuyết mất; mà hay dùng phương tiện tu các pháp lành, thế nên không nghi.

